TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2025
V/v: Tranh chấp về ly hôn**.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Ẩn;

2/ Bà Phan Thị Dòn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Bích Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Ông Ngô Hoàng Phương Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 579/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Nhà không số (kế A12/28A) ấp A, xã Hưng L (xã Qui Đ, huyện Bình C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà L xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiên A, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Nhà không số (kế A12/28A) ấp A, xã Hưng L (xã Qui Đ, huyện Bình C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/4/2025 và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thiên A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng (Phường 5, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số

220 Quyển số 02/2014 ngày 09 tháng 10 năm 2014. Trong suốt quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Thiên A phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông Nguyễn Thiên A bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, mặc dù cả hai vẫn chung sống cùng dưới một mái nhà nhưng bà và ông Nguyễn Thiên A đã ly thân từ lâu, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thiên A.

Về quan hệ vợ chồng: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thiên A

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thiên A có 02 con chung tên là Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29/05/2015, giới tính: Nữ và Nguyễn Thiên Y, sinh ngày: 22/11/2019, giới tính: Nữ. Bà đề nghị sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thiên A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thiên A vắng mặt không tham gia phiên hòa giải vì vậy không ghi nhận ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thiên A;

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thiên A có 02 con chung tên là Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29/05/2015, giới tính: Nữ và Nguyễn Thiên Y, sinh ngày: 22/11/2019, giới tính: Nữ. Bà Nguyễn Thị L đề nghị sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thiên A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thiên A vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thiên A. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Nguyễn Thiên A hiện cư trú cùng bà L và các con chung của ông bà tại địa chỉ: Nhà không số (kế A12/28A) ấp A, xã Hưng L (xã Qui Đ, huyện Bình C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục tố tụng dân sự.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Thiên A như: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thiên A không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thiên A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Thiên A*:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 220 Quyển số 02/2014 ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng (Phường 5, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thiên A thì việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thiên A là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thiên A là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, thấu hiểu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà L thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L và ông A là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp, bà L và ông A đã ly thân từ lâu mặc dù cả hai vẫn chung sống dưới một mái nhà, bà L và ông A mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình bà L nộp đơn ly hôn, ông

A cũng biết nhưng không quan tâm, bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không mang lại niềm vui, hạnh phúc cho bà L và các con, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn ông A.

Xét thấy, việc bà L và ông A là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông A vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, thể hiện ông A không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà L có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Thị L*:

Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm cả cha và mẹ. Hiện tại, con chung là Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29/05/2015 và Nguyễn Thiên Y, sinh ngày: 22/11/2019 đang được cả bà L và ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trẻ Thiên K và trẻ Thiên Y đang tuổi vị thành niên, tâm sinh lý có nhiều thay đổi, còn rất nhỏ lại là các bé gái nên hai trẻ cần rất nhiều tình cảm, sự quan tâm, gần gũi chăm sóc của người mẹ trong việc phát triển tâm, sinh lý. Ngoài ra, khi được hỏi ý kiến, trẻ Thiên K cũng có nguyện vọng được chung sống cùng mẹ là bà L nếu bố mẹ ly hôn (Bản tự khai ngày 09/6/2025). Vì vậy, để đảm bảo cho trẻ Thiên K và Thiên Y có một cuộc sống và sự phát triển toàn diện nhất, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Thiên K và Thiên Y cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Ông Nguyễn Thiên A (là cha của hai trẻ) vắng mặt trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được ý kiến.

Ngoài ra, ông Nguyễn Thiên A không trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Thiên K và Thiên Y thì phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Thiên A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Thiên K và Thiên Y. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Thiên A cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị L xác nhận bà và ông Nguyễn Thiên A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị L xác nhận bà và ông Nguyễn Thiên A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Thiên A.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thiên A có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29/05/2015, giới tính: Nữ và Nguyễn Thiên Y, sinh ngày: 22/11/2019, giới tính: Nữ.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ Thiên K và Thiên Y cho đến khi thành niên.

Ghi nhận bà Lê Nguyễn Thị L tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Thiên A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thiên A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052477 ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành

phố Hồ Chí Minh (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cũ). Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Chánh Hưng (Phường 5, Quận 8 cũ), Tp. HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2AAKKAΘ*αϕχχαφ+

Vũ Thị Trang